

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-PT

Ngày: 31-01-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2017/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Tường D, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số 172, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phạm Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Số 26/1, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Cao Minh T1, sinh năm 1970.
Địa chỉ cư trú: Số 273, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 09-5-2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.
Địa chỉ cư trú: Số 35, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tường D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Tường D trình bày:

Ngày 01/11/2016, anh D cho anh Phạm Văn T vay số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 11/12/2016, anh D cho anh Phạm Văn T vay số tiền 150.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng. Khi vay tiền, anh T có ghi biên nhận vào sổ của

anh D, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4% đến 5%/tháng. Ngoài ra, năm 2015, anh D có cho anh T vay tiền nhiều lần, trong đó có số tiền 200.000.000 đồng, không rõ ngày, tháng, không làm biên nhận. Sau đó, anh T có trả vốn được 100.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng. Do đó, cùng ngày 11/12/2016, anh D yêu cầu anh T viết lại biên nhận có vay của anh D 100.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền, anh T có đóng lãi cho anh D 01 (một) lần của số tiền vay 250.000.000 đồng là 10.000.000 đồng (4%/tháng).

Ngày 10/3/2017, anh T có trả cho anh D số tiền vốn 100.000.000 đồng, và 6.000.000 đồng tiền lãi nên anh D có trả lại cho anh T bản chính biên nhận ngày 11/12/2016 (số tiền vay từ 2015). Sau đó anh T không đóng lãi, chưa trả vốn số tiền 400.000.000 đồng của 02 biên nhận còn lại.

Nay anh D yêu cầu anh T trả số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh D xác định tiền cho anh Tú vay là tài sản chung của vợ chồng anh D và chị H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H: Chị H thống nhất lời trình bày của anh D về việc cho anh T vay tiền. Chị H xác định không có nhận số tiền 400.000.000 đồng do anh T giao ngày 01/01/2017 mà chỉ nhận 10.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng. Chị H thống nhất yêu cầu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu anh T trả số tiền vốn vay 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị H không có yêu cầu độc lập.

- Bị đơn anh Phạm Văn T, có anh T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về các lần vay tiền.

Tuy nhiên, anh T1 xác định: Ngày 01/01/2017, anh T đã trả cho chị H tiền vốn gốc của 02 biên nhận ngày 01/11/2016 và 11/12-2016 tổng cộng là 400.000.000 đồng và tiền lãi (không nhớ cụ thể là bao nhiêu). Anh T có yêu cầu bà H trả lại bản gốc 02 biên nhận nhưng chị H nói đã "bỏ mất sổ" nên không giao lại cho anh T, do đó chị H yêu cầu anh T viết biên nhận nội dung anh T có trả cho chị H (bác Tám T2) 400.000.000 đồng vốn. Chị H có ký tên xác nhận vào biên nhận trên. Ngày 10/03/2017, anh T tiếp tục trả cho anh D số tiền 100.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi, sau đó anh D có giao lại cho anh T biên nhận ngày 11/12/2016 (số tiền 100.000.000 đồng vay từ năm 2015).

Do đó, anh T xác định không còn nợ tiền anh D, không đồng ý trả cho anh D 400.000.000 đồng.

- Tại bản án sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử:

+ Bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh D về việc yêu cầu bị đơn anh Phạm Văn T trả tiền vốn vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

+ Về án phí: Anh D phải nộp 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp ngày 30/3/2017 theo biên lai số 13483 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, sau khi trừ tiền án phí phải nộp, anh D còn phải nộp tiếp số tiền 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí tố tụng khác: Anh D và chị H phải liên đới chịu 3.225.000 đồng chi phí giám định. Anh T đã nộp 2.025.000 đồng; anh D, chị H đã nộp 1.200.000 đồng. Buộc anh D, chị H phải liên đới trả lại cho anh T 2.025.000 đồng chi phí giám định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/11/2017, anh Nguyễn Tường D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- Tại phiên tòa anh D phát biểu: Anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh yêu cầu anh T trả 400.000.000đ vốn vay, không yêu cầu tính lãi.

- Tại phiên tòa anh T1 đại diện cho anh T trình bày: Anh T không đồng ý trả số tiền 400.000.000đ như anh D yêu cầu, vì anh T đã trả nợ xong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hai bên thừa nhận có giao dịch với nhau, bên anh D và chị H có cho anh T vay tiền nhiều lần tổng cộng 600.000.000đ, có làm 03 biên nhận.

[2] Bên anh D và chị H cho rằng biên nhận trả tiền ngày 01/01/2017 không phải là chữ ký tên và chữ viết họ tên của chị Nguyễn Thị H.

[3] Bên anh T đưa ra chứng cứ là biên nhận trả tiền ngày 01/01/2017.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy tại văn bản giám định số 361 ngày 26/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ ký tên và chữ viết họ tên là của chị Nguyễn Thị H. Đồng thời tại Biên bản số 2263 ngày 16/8/2017 của Phân viện kỹ thuật hình sự Bộ Công an cũng kết luận chữ ký tên và chữ viết họ tên là của chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh D và chị H thừa nhận số tiền 400.000.000đ cho anh T vay là tài sản chung của vợ chồng.

Cho nên đủ cơ sở xác định được anh T đã trả 400.000.000đ cho anh D và chị H xong. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tường D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Tường D về việc yêu cầu bị đơn anh Phạm Văn T trả tiền vốn vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Tường D phải nộp 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 30/3/2017 theo biên lai số 13483 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, anh D còn phải nộp tiếp số tiền 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Tường D phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 01231 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S.

3. Về chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Tường D và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 3.225.000 đồng chi phí giám định. Anh T đã nộp 2.025.000 đồng; anh D, chị H đã nộp 1.200.000 đồng. Buộc anh D, chị H phải liên đới trả lại cho anh T 2.025.000 đồng chi phí giám định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP S;
- Chi cục THADS TP S;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông